

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC.**

Bản án số 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 02 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Ký  
2. Ông Lê Cảnh Ái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Quang Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa:* Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vi Thanh H - Sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Chị Vi Thị T - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, anh H và chị T đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Vi Thanh H trình bày:

*Về hôn nhân:* Anh Vi Thanh H và chị Vi Thị T tìm hiểu, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/06/2018 tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2023 đến nay tình trạng hôn nhân càng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng anh H và chị T đã sống ly thân, không ai chăm sóc gia đình chung. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp, quá trình chung sống chị T có những hành động và lời nói làm ảnh hưởng đến uy

tín danh dự và công việc của anh H. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H có nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn với chị Vi Thị T.

*Về con chung:* Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Vi Anh H1, Giới tính N, sinh ngày 23/07/2018 (Hiện nay cháu H1 đã chết) và cháu Vi Như N1, sinh ngày 30/03/2022, Giới tính nữ. Cháu N1 hiện tại phát triển khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Quá trình thụ lý đến trước thời điểm xét xử và tại phiên hỏi tại phiên toà, anh H có nguyện vọng đề nghị Toà án giải quyết cho anh được nuôi con chung là cháu Vi Như N1 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

*Về tài sản và công nợ chung:* Anh Vi Thanh H không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn chị Vi Thị T:

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà. Chị T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hoà giải. Tại phiên toà xét xử lần thứ nhất chị T vắng mặt nên phiên toà được hoãn lại, tại phiên toà xét xử lần 2 chị T có mặt.

Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải chị Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H vẫn còn khả năng hàn gắn và vì con nên chị T không đồng ý ly hôn như nguyện vọng của anh Vi Thanh H.

Về con chung: Chị T thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc vợ chồng có 02 con chung, là cháu Vi Anh H1, sinh ngày 23/07/2018; Giới tính N (Hiện nay cháu H1 đã chết) và cháu Vi Như N1, sinh ngày 30/03/2022, Giới tính Nữ. Cháu N1 khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Nếu Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung là Vi Như N1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản và công nợ chung:* Chị T không yêu cầu xem xét giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử trước thời điểm mở phiên toà anh Vi Thanh H cung cấp 01 giấy trình bày về thu nhập. Theo tài liệu thể hiện: Anh Vi Thanh H hiện có mức thu nhập là 17.418.960 (Mười bảy triệu, bốn trăm mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi) đồng/Tháng.

Tại phiên toà anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vi Thị T. Về con chung anh H có nguyện vọng xin được nuôi con chung là cháu Vi Như N1 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Nhưng sau đó tại phiên xét xử ở phần tranh luận anh H thay đổi quan điểm về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể là anh H có nguyện vọng giao con chung là cháu Vi Như N1 cho chị Vi Thị T (Là mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/1 Tháng.

Tại phiên Toà chị T vẫn giữ nguyên quan điểm về việc chị không thống nhất ly hôn với anh Vi Thanh H. Chị T cũng bảo lưu quan điểm về nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung cháu Vi Như N1 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung chị T thống nhất với anh H về việc anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ 1 Tháng.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và lời khai của người được xác minh Ông Vi Văn L (Trưởng thôn Ná Cà 2, xã T) trình bày:

Vợ chồng anh H, chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn N, xã T, huyện N. Một thời gian sau, anh H và chị T sống ly thân. Bản thân anh H thường xuyên công tác xa nhà nên cũng rất ít về nhà. Quá trình chung sống, chị T và anh H có 02 con chung là cháu Vi Anh H1, sinh ngày 23/07/2018 (Hiện nay cháu H1 đã chết) và cháu Vi Như N1, sinh ngày 30/03/2022. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung cả anh H và chị T đều yêu thương đối xử tốt với con chung.

Tại biên bản lấy lời khai của bố đẻ của anh Vi Thanh H - Ông Vi Văn B trình bày:

Anh H và chị T là con trai và con dâu của ông bà, kết hôn với nhau vào tháng 2018 tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình ông bà tại thôn N, xã T. Từ năm 2023 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị T sinh sống tại ngôi nhà vợ chồng làm trên đất của ông bà (Cạnh nhà ông bà) còn anh H thường xuyên công tác xa nhà, thỉnh thoảng anh H về nhà thì sống cùng vợ chồng ông bà chứ không sống cùng chị T. Do bất đồng quan điểm và tính cách không hợp nên càng ngày vợ chồng anh H và chị T càng mâu thuẫn và anh chị đã ly thân cho đến nay. Mặc dù đã được gia đình động viên phân tích hoà giải nhưng cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm để quay về đoàn tụ. Nay anh H gửi đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T. Nên đề nghị Toà án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết cho anh chị.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi cháu Vi Như N1 sinh sống vào thời điểm hiện tại thì mức chi phí để chăm sóc nuôi dưỡng một trẻ nhỏ ở độ tuổi mầm non sinh sống trên địa bàn có mức chi phí giao động khoảng từ 5000.000 (Năm triệu) đến 6.000.000 (Sáu triệu) đồng/1 Tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn về cơ bản đều thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh H và chị T cưới hỏi và đăng ký kết hôn theo đúng nghi thức và được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận kết hôn. Anh chị thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký và tuân thủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh H và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh H chị T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị T. Xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T không có khả

năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX căn cứ theo khoản 1 điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, giải quyết cho anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H có 02 con chung, là cháu Vi A Hào, Giới tính nam, sinh ngày 23/07/2018 (Hiện nay cháu H1 đã chết) và cháu Vi Như N1, Giới tính nữ, sinh ngày 30/03/2022. Cháu N1 khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Xét thấy chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Quá trình thụ lý cho đến phiên toà anh H có nguyện vọng xin nuôi con chung. Sau đó tại phiên toà Anh H thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và thống nhất cấp dưỡng mức 2.000.000 đồng/1 tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu Ngọc thành N2 (đủ 18 tuổi).

Xét điều kiện cụ thể của chị Vi Thị T (Bị đơn): Chị T hiện là lao động tự do, có sức khỏe, có công việc và thu nhập. Mặt khác cháu N1 còn nhỏ (D 36 tháng tuổi) lại là con gái nên xét thấy cần giao cháu N1 cho mẹ là chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tại phiên toà cả anh H và chị T đều thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/Tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu Ngọc thành N2 (đủ 18 tuổi). Xét thấy sự thoả thuận của anh H và chị T là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét ghi nhận sự thoả thuận của anh chị.

Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy việc thoả thuận giữa anh H và chị T về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các bên nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa anh H và chị T. Giao cháu N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cấm theo Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho đương sự bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Xét quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án thấy rằng bị đơn chị Vi Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51 luật hôn nhân và gia đình thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Thanh H và chị Vi Thị T kết hôn với nhau vào ngày 18/6/2018 tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân

giữa anh H và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, Cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm để quay về đoàn tụ. Thực tế vợ chồng sống trong tình trạng ly thân đã lâu. Tại bản tự khai và trong quá trình hoà giải chị T công nhận là quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Công nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nhưng chị cũng trình bày là chị vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm với anh H nên chị không đồng ý ly hôn. Tại phiên hoà giải trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục hoà giải đối thoại chị T trình bày: Xét thấy bản thân chị còn nhiều thiếu sót trong đời sống vợ chồng, dẫn đến có nhiều lúc vợ chồng xúc phạm lẫn nhau. Tuy nhiên chị T vẫn còn tình cảm với anh H và vì con nên chị không đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của anh Vi Thanh H.

Tại phiên tòa anh Vi Thanh H giữ nguyên quan điểm tha thiết xin ly hôn với chị T, chị T giữ quan điểm về việc chị không đồng ý ly hôn với anh Vi Thanh H.

Hội đồng xét xử xét thấy anh H và chị T ly thân với nhau từ đầu năm 2023, kể từ thời điểm anh H gửi đơn đề nghị giải quyết vụ án qua thủ tục hoà giải đối thoại nhưng không thành, sau đó chuyển sang thủ tục khởi kiện dân sự giải quyết vụ án ly hôn đến nay cũng đã lâu. Nhưng cả anh H và chị T vẫn không có động thái, thiện chí để hàn gắn, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh H đã thực sự trầm trọng, kéo dài, quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là chính đáng để ổn định cuộc sống và công tác nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh Vi Thanh H được ly hôn với chị Vi Thị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân là hoàn toàn có căn cứ.

2.2. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Vi Anh H1, Giới tính nam, sinh ngày 23/07/2018 (Hiện nay cháu H1 đã chết). Đối với cháu Vi Như N1, Giới tính nữ, sinh ngày 30/03/2022. Hiện nay cháu N1 khỏe mạnh bình thường về thể lực và trí lực. Cả anh H, chị T đều không có con riêng và cũng không ai nhận nuôi con nuôi. Anh chị đều là những người có sức khỏe, có công việc và thu nhập, quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung cả hai đều đối xử tốt với các con, không ai bạo hành hay đánh đập các con.

Trước thời điểm xét xử và tại phần hỏi tại phiên tòa Anh Vi Thanh H có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Nhưng sau đó anh H thay đổi quan điểm, anh H thống nhất giao cháu N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (Đủ 18 tuổi).

Xét nguyện vọng của chị T về việc xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì thấy rằng:

Chị T hiện là lao động tự do, có sức khỏe và thu nhập. Do đặc thù công việc nên từ khi cháu Ngọc S ra cho đến nay, anh H thường xuyên công tác xa nhà, ít có thời gian về thăm con và trực tiếp chăm sóc con chung, do đó cháu N1 chủ yếu ở với mẹ là chị T và ông bà nội. Từ lúc anh H và chị T mâu thuẫn và ly thân đến nay, cháu N1 vẫn ở với chị T. Mặt khác cháu N1 là con gái, cháu còn nhỏ (Dưới

36 tháng tuổi) bản thân cháu rất cần sự quan tâm chăm sóc giáo dục trực tiếp từ người mẹ. Tại phiên toà anh H cũng thống nhất giao cháu N1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của các bên đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và cũng để đảm bảo cho cháu N1 được phát triển trong môi trường tốt nhất. Do đó cần ghi nhận sự thoả thuận giữa anh H và chị T về việc nuôi con chung. Anh H không trực tiếp nuôi con chung, có quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi mở phiên toà các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng và chị T đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về mức lương theo tài liệu cung cấp của nguyên đơn thể hiện: Anh Vi Thanh H hiện có mức thu nhập là 17.418.960 (Mười bảy triệu, bốn trăm mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi đồng)/Tháng.

Bản thân cháu Vi Như N1 đang sinh sống trên địa bàn xã T, Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cháu N1 sinh sống thì mức chi phí hàng tháng để nuôi dưỡng 01 trẻ nhỏ ở độ tuổi mầm non giao động ở mức từ 5.000.000 (Năm triệu) đồng đến 6.000.000 (Sáu triệu) đồng.

Tại phiên toà, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/ 1 Tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu Ngọc thành N2 (đủ 18 tuổi).

Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với mức chi phí nuôi dưỡng chăm sóc trẻ trong độ tuổi mầm non tại địa phương, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự. Do đó HĐXX xét thấy cần ghi nhận sự thoả thuận giữa anh H và chị T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

2.3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung. Tại phiên toà bị đơn chị Vi Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng nên dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về chia tài sản, công nợ chung nếu đương sự có yêu cầu.

[3] *Về án phí*: Anh Vi Thanh H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn). Mặt khác tại phiên toà anh H và chị T mới thoả thuận được với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí vì là người cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

[4] *Về Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 điều 144; Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, 9, 26 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14.

*Tuyên xử:* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Thanh H.

*Về hôn nhân:* Xử anh Vi Thanh H được ly hôn với chị Vi Thị T.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Vi Thanh H và chị Vi Thị T về phân nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Cụ thể:

*Về con chung:* Giao con chung là cháu Vi Như N1 (giới tính nữ), sinh ngày 30/03/2022 cho chị Vi Thị T (Mẹ đẻ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Vi Thanh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Vi Thanh H cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vi Như N1 với mức 2.000.000 (Hai triệu đồng)/1 Tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu Ngọc Thành N2 (đủ 18 tuổi).

*Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác đối với yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung khi đương sự có yêu cầu.

*Về án phí:* Anh Vi Thanh H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (Cấp dưỡng nuôi con). Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Nhưng hiện tại anh H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng ký hiệu: BLTU/23 số 0005788 ngày 18/07/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân. Do đó anh Vi Thanh H phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí. Chị Vi Thị T không phải nộp án phí Dân sự - HNGĐ sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Như Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thanh Xuân, H. Như Xuân;
- Chi cục THADS H. Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Hằng**

